

Số: 29/2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

**THÔNG TƯ****Quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí để hỗ trợ việc kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu và khuyến khích thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VNeID**

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí để hỗ trợ việc kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu và khuyến khích thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VNeID.

**Điều 1. Mức thu một số khoản phí, lệ phí để hỗ trợ việc kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu và khuyến khích thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VNeID**

1. Từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026, mức thu một số khoản phí, lệ phí để hỗ trợ việc kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu và khuyến khích thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VNeID được quy định như sau:

Số thứ tự	Tên phí, lệ phí	Mức thu
1	Phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	Bằng 50% mức thu phí quy định tại Điều 3 Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.
2	Phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử (trừ phí thẩm định để cấp giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu chất phóng xạ)	Bằng 50% mức thu phí, lệ phí quy định tại Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử ban hành kèm theo Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.

Số thứ tự	Tên phí, lệ phí	Mức thu
3	Lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện giao thông đường bộ	Bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại Số thứ tự 2 Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 154/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.
4	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	Bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 156/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn và Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.
5	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư	Bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.
6	Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai từ Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai (đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo)	Bằng 50% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai từ Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai từ Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai.

Các Thông tư được viện dẫn tại khoản này và khoản 1 Điều 2 Thông tư này gọi chung là Thông tư gốc.

Trường hợp các Thông tư gốc được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì mức thu các khoản phí, lệ phí quy định tại khoản này tính bằng tỷ lệ mức thu tương

ứng tại Biểu nêu trên nhân với mức thu phí, lệ phí tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, mức thu các khoản phí, lệ phí quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

### **Điều 2. Miễn phí, lệ phí**

1. Từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026, miễn một số khoản phí, lệ phí khi thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VNeID, bao gồm:

a) Lệ phí nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (gồm cả đơn tách, đơn chuyển đổi) và lệ phí cấp Văn bằng bảo hộ quy định tại điểm 1.1 khoản 1 và điểm 2.1 khoản 2 Mục A Biểu mức thu phí, lệ phí sở hữu công nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp;

b) Phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh, lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo, lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ quy định tương ứng tại Số thứ tự I, III và IV Điều 1 Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ;

c) Lệ phí đăng ký cư trú quy định tại Thông tư số 75/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú.

2. Không áp dụng mức thu lệ phí sở hữu công nghiệp đối với nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (gồm cả đơn tách, đơn chuyển đổi) và cấp Văn bằng bảo hộ, lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo, lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ quy định tương ứng tại Số thứ tự 14 và 18 Điều 1 Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân khi thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VNeID từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, mức thu các khoản phí, lệ phí quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

2. Các nội dung khác liên quan đến: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; tổ chức thu phí, lệ phí; người nộp phí, lệ phí; các trường hợp miễn phí, lệ phí; kê khai, nộp phí, lệ phí; mức thu các khoản phí, lệ phí; quản lý, sử dụng phí; chứng từ thu, công khai chế độ thu phí, lệ phí không quy định tại Thông tư này thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc, các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn./. *tr*

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc;
- Ủy ban Kinh tế và Tài chính;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Thuế, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Kho bạc Nhà nước các khu vực;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (170b). *42*

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Cao Anh Tuấn**